SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.41DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	22/02/2023 Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Sau HTXL KCN Sông Mây
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Ngày lấy mẫu : 07/02/2023
6. Ngày nhận mẫu : 07/02/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 07/02/2023 - 22/02/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

23.41DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/02/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	^{0}C	SMEWW 2550 B:2017	29,9	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	8,03	6 - 9
3	Chất rắn hòa tan (TDS)(1)(2)	mg/L	HDCV TB-73	369	-
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	4	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	18	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	8	40
7	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,61	4
8	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,36	16
9	Tổng phốt pho (tính theo P)(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	3,2
10	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^- B & D:2017	0,58	4
11	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	< 0,02	0,8
12	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
13	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
14	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,004	0,08
15	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
16	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
17	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
18	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,04
19	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
20	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
21	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
22	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,04
23	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	1,6
24	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	2,4
25	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

23.41DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
26	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,095	0,4
27	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,15	0,8
28	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
29	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240
30	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(1)(2)	µg/L		< 0,04	40
31	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	< 2	3.000

Chú thích:
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận Vilas*
(4) : *Thông số chưa được công nhận Vilas*

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.118/10DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/3/2023

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT KCN Sông Mây
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Ngày lấy mẫu : 02/3/2023
6. Ngày nhận mẫu : 02/3/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 02/3/2023 - 20/3/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả :

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	4
2	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,4	16
3	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	< 0,02	0,8
4	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	$3,3x10^1$	3.000

Chú thích:
SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
(1) : Thông số được Vimcerts công nhận
(2) : Thông số được VILAS công nhận

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.118/6DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	21/3/2023 Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT KCN Sông Mây
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Ngày lấy mẫu : 02/3/2023
6. Ngày nhận mẫu : 02/3/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 02/3/2023 - 21/3/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.118.6TDNV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/3/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8 ; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	°C	SMEWW 2550 B:2017	30,0	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,54	6 - 9
3	Chất rắn hòa tan (TDS)(1)(2)	mg/L	HDCV TB-73	416	-
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	14	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	11	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,46	3,2
8	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^-B & D:2017	2,37	4
9	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
10	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
11	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	0,0047	0,08
12	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
13	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
14	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
15	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,04
16	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
17	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
18	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
19	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,04
20	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	1,6

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

23.118/GDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8 ; Kf=1,0
21	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	2,4
22	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,012	0,16
23	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,076	0,4
24	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,28	0,8
25	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
26	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240
27	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(1)(2)	µg/L		< 0,04	40

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
(1) : *Thông số được Vimcerts công nhận*
(2) : *Thông số được VILAS công nhận*
(4) : *Thông số chưa được VILAS công nhận*

Hóa chất BVTV clo hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau : α-BHC, γ-BHC, β-BHC , Heptachlor, δ-BHC, Aldrin, Heptachlor epoxide, Endosulfan I, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, 4,4'-DDD, Endosulfan II, 4,4-DDT, Endrin aldehide, Endosulfan Sulfate, Methoxychlor, trans-chlordane,Cis-chlordane, Endrin ketone

Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau:Methyl Parathion,Thionazin, Ethyl parathion, Sulfotepp, Phorate, O,O,O-Triethylphosphorothicate

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.262/1DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	15/5/2023 Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra sau HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Ngày lấy mẫu : 25/4/2023
6. Ngày nhận mẫu : 25/4/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 25/4/2023 - 15/5/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.262/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

15/5/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8 ; Kf=1,0
1	Nhiệt độ[1][2]	°C	SMEWW 2550 B:2017	24,4	40
2	pH[1][2]		TCVN 6492:2011	7,76	6 - 9
3	Chất rắn hoà tan (TDS)[1][2]	mg/L	SMEWW 2540 C:2017	135	-
4	BOD_5 (20°C)[1][2]	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	24
5	COD[1][2]	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	8	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[1][2]	mg/L	TCVN 6625:2000	< 6	40
7	Amoni (tính theo N)[1][2]	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,36	4
8	Tổng nitơ[1][2]	mg/L	TCVN 6638:2000	3,46	16
9	Tổng phốt pho (tính theo P)[1][2]	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	3,2
10	Florua (F^-)[1][2]	mg/L	SMEWW 4500-F^-B & D:2017	1,80	4
11	Clo dư (Cl_2)[1][2]	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	0,027	0,8
12	Tổng xyanua (CN^-)[1][2]	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
13	Sulfua (S^{2-})[1][2]	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
14	Tổng phenol[1][2]	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,004	0,08
15	Tổng dầu mỡ khoáng[1][2]	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
16	Dầu mỡ động thực vật[1][2]	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
17	Chất hoạt động bề mặt[1][2]	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
18	Asen (As)[1][2]	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,04
19	Thủy ngân (Hg)[1][2]	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
20	Chì (Pb)[1][2]	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
21	Cadimi (Cd)[1][2]	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
22	Crôm VI (Cr^{6+})[1][2]	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2022	< 0,01	0,04
23	Đồng (Cu)[1][2]	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	2
24	Kẽm (Zn)[1][2]	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	2,4
25	Niken (Ni)[1][2]	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.262/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8 ; Kf=1,0
26	Mangan (Mn)[1][2]	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	0,4
27	Sắt (Fe)[1][2]	mg/L	TCVN 6177:1996	0,052	0,8
28	Crôm III (Cr^{3+})[1][4]	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
29	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ[1][2]	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240
30	Hóa chất BVTV clo hữu cơ[1][2]	µg/L		< 0,04	40
31	Coliform[1][2]	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	< 2	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được Vimcerts công nhận

(2) : Thông số được VILAS công nhận

(4) : Thông số chưa được VILAS công nhận

Hóa chất BVTV clo hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau : α-BHC, γ-BHC, β-BHC , Heptachlor, δ-BHC, Aldrin, Heptachlor epoxide, Endosulfan I, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, 4,4'-DDD, Endosulfan II, 4,4-DDT, Endrin aldehide, Endosulfan Sulfate, Methoxychlor, trans-chlordane,Cis-chlordane, Endrin ketone

Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau:Methyl Parathion,Thionazin, Ethyl parathion, Sulfotepp, Phorate, O,O,O-Triethylphosphorothicate

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.288/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

30/5/2023

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Số 767, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2-01
5. Ngày lấy mẫu : 11/5/2023
6. Ngày nhận mẫu : 11/5/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 11/5/2023 - 30/5/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

23.288/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

30/5/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	^0C	SMEWW 2550 B:2017	31,4	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,66	6 - 9
3	Màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	16	50
4	Chất rắn hòa tan (TDS)(1)(2)	mg/L	HDCV TB-73	155	-
5	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	5	24
6	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	17	60
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,60	3,2
9	Clorua (Cl^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6194:1996	96,2	400
10	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
11	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
12	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,004	0,08
13	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
14	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
15	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
16	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,04
17	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
18	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
19	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
20	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2022	< 0,01	0,04
21	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	2
22	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	2,4
23	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,013	0,16
24	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,073	0,4
25	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,26	0,8
26	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
27	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

23.288/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

30/5/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
28	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	40
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	KPH (LOD=0,02)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L		0,52	1
31	Tổng PCBs (*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		2,4
	+ PCB-18	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-28	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-31	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-44	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-52	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-101	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-118	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-138	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-149	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-153	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-170	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-180	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-194	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-209	µg/L		KPH (LOD=0,2)	

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
(1) : *Thông số được Vimcerts công nhận*
(2) : *Thông số được VILAS công nhận*
(4) : *Thông số chưa được VILAS công nhận*

KPH: Không phát hiện
LOD: Giới hạn phát hiện

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-02272BMT3/2 ngày 22/5/2023
Hóa chất BVTV clo hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau : α-BHC, γ-BHC, β-BHC , Heptachlor, δ-BHC, Aldrin, Heptachlor epoxide, Endosulfan I, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, 4,4'-DDD, Endosulfan II, 4,4-DDT, Endrin aldehide, Endosulfan Sulfate, Methoxychlor, trans-chlordane,Cis-chlordane, Endrin ketone
Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau:Methyl Parathion,Thionazin, Ethyl parathion, Sulfotepp, Phorate, O,O,O-Triethylphosphorothicate

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.287DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

18/5/2023

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXL
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Ngày lấy mẫu : 11/5/2023
6. Ngày nhận mẫu : 11/5/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 11/5/2023 - 17/5/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả :

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,035	4
2	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,46	16
3	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^- B & D:2017	1,31	4
4	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	< 0,02	0,8
5	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	< 2	3.000

Chú thích:
SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
(1) : Thông số được Vimcerts công nhận
(2) : Thông số được VILAS công nhận

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.362DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/6/2023

Phiếu kết quả thử nghiệm này thay thế cho phiếu kết quả thử nghiệm số 23.362DV ngày 19/6/2023 (*)

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
6. Ngày lấy mẫu : 06/6/2023
7. Ngày nhận mẫu : 06/6/2023
8. Thời gian thử nghiệm : 06/6/2023 - 26/6/2023
9. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
10. Kết quả :

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,074	4
2	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,01	16
3	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^-B & D:2017	3,28	4
4	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	< 0,02	0,8
5	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	$1,3x10^1$	3.000

Chú thích:
SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
(1) : *Thông số được Vimcerts công nhận*
(2) : *Thông số được VILAS công nhận*
(*) : *Bổ sung mô tả mẫu và thay đổi kết quả thông số Florua, Coliform*

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.363/1DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	22/6/2023 Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2-01
5. Ngày lấy mẫu : 06/6/2023
6. Ngày nhận mẫu : 06/6/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 06/6/2023 - 19/6/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

23.363/DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/6/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	^0C	SMEWW 2550 B:2017	28,4	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,65	6 - 9
3	Chất rắn hòa tan (TDS)(1)(2)	mg/L	HDCV TB-73	325	-
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	4	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	11	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	11	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,58	3,2
8	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
10	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,004	0,08
11	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
12	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
13	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
14	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,04
15	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
16	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
17	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
18	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,04
19	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	2
20	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,062	2,4
21	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,013	0,16
22	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,056	0,4
23	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,40	0,8
24	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
25	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240
26	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(1)(2)	µg/L		< 0,04	40

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater *HDC : Hướng dẫn công việc*

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được Vimcerts công nhận

(2) : Thông số được VILAS công nhận

(4) : Thông số chưa được VILAS công nhận

Hóa chất BVTV clo hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau : α-BHC, γ-BHC, β-BHC , Heptachlor, δ-BHC, Aldrin, Heptachlor epoxide, Endosulfan I, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, 4,4'-DDD, Endosulfan II, 4,4-DDT, Endrin aldehide, Endosulfan Sulfate, Methoxychlor, trans-chlordane,Cis-chlordane, Endrin ketone

Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau:Methyl Parathion,Thionazin, Ethyl parathion, Sulfotepp, Phorate, O,O,O-Triethylphosphorothicate

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.504/3DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/7/2023

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
6. Ngày lấy mẫu : 14/7/2023
7. Ngày nhận mẫu : 14/7/2023
8. Thời gian thử nghiệm : 14/7/2023 - 21/7/2023
9. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
10. Kết quả :

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,034	4
2	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	0,88	16
3	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^-B & D:2017	3,10	4
4	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	< 0,02	0,8
5	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	< 2	3.000

Chú thích:
SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts
(2) : Thông số được công nhận VILAS

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.505/1DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	31/7/2023 Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2 - 01
5. Ngày lấy mẫu : 14/7/2023
6. Ngày nhận mẫu : 14/7/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 14/7/2023 - 29/7/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

23.505/TDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

31/7/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	°C	TCVN 6492:2011	30,5	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,01	6 - 9
3	Chất rắn hoà tan (TDS)(1)(2)	mg/L	SMEWW 2540 C:2017	323	-
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	12	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	16	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,41	3,2
8	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
10	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,002	0,08
11	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
12	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
13	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
14	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	0,0016	0,04
15	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
16	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
17	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
18	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,04
19	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	2
20	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,069	2,4

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.505/TDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

31/7/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
21	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,026	0,16
22	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,17	0,4
23	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,30	0,8
24	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
25	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240
26	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(1)(2)	µg/L		< 0,04	40

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

USEPA : *United States Environmental Protection Agency*

(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*

(2) : *Thông số được công nhận Vilas*

(4) : *Thông số chưa được công nhận Vilas*

Hóa chất BVTV clo hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau : α-BHC, γ-BHC, β-BHC , Heptachlor, δ-BHC, Aldrin, Heptachlor epoxide, Endosulfan I, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, 4,4'-DDD, Endosulfan II, 4,4-DDT, Endrin aldehide, Endosulfan Sulfate, Methoxychlor, trans-chlordane,Cis-chlordane, Endrin ketone

Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau:Methyl Parathion,Thionazin, Ethyl parathion, Sulfotepp, Phorate, O,O,O-Triethylphosphorothicate

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.573/4DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	28/8/2023 Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT KCN Sông Mây
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2-01
5. Ngày lấy mẫu : 11/8/2023
6. Ngày nhận mẫu : 11/8/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 11/8/2023 - 24/8/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

KT.TRƯỞNG PHÒNG PTTN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

23.573/4DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

28/8/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	^0C	SMEWW 2550 B:2017	33,0	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,59	6 - 9
3	Chất rắn hòa tan (TDS)(1)(2)	mg/L	HDCV TB-73	738	-
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	4	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	11	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	9	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,36	3,2
8	Tổng xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2017	< 0,1	0,16
10	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,004	0,08
11	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4
12	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
13	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
14	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,04
15	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

28/8/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
16	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,08
17	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,04
18	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,04
19	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	2
20	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	2,4
21	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,014	0,16
22	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,073	0,4
23	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,17	0,8
24	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,16
25	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(1)(2)	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	< 0,04	240
26	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(1)(2)	µg/L		< 0,04	40

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*

Hóa chất BVTV clo hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau : α-BHC, γ-BHC, β-BHC , Heptachlor, δ-BHC, Aldrin, Heptachlor epoxide, Endosulfan I, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, 4,4'-DDD, Endosulfan II, 4,4-DDT, Endrin aldehide, Endosulfan Sulfate, Methoxychlor, trans-chlordane,Cis-chlordane, Endrin ketone

Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ được xác định dựa trên các chất sau:Methyl Parathion,Thionazin, Ethyl parathion, Sulfotepp, Phorate, O,O,O-Triethylphosphorothicate

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.572DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/8/2023

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2
5. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
6. Ngày lấy mẫu : 11/8/2023
7. Ngày nhận mẫu : 11/8/2023
8. Thời gian thử nghiệm : 11/8/2023 - 18/8/2023
9. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
10. Kết quả :

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,045
2	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,19
3	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^-B & D:2017	1,37
4	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2017	< 0,02
5	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	< 2

Chú thích:
SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts
(2) : Thông số được công nhận VILAS

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.675/1DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	03/10/2023 Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXL
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2-01
5. Ngày lấy mẫu : 15/9/2023
6. Ngày nhận mẫu : 15/9/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 15/9/2023 - 02/10/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.675/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

03/10/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Nhiệt độ(1)(2)	°C	TCVN 6492:2011	29,3	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,23	6 - 9
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(1)(2)	mg/L	HDCV TB-73	323	-
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	< 3	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	6	60
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 6	40
7	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	3,2
8	Xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	< 0,002	0,056
9	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B & D:2023	< 0,1	0,16
10	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,004	0,08
11	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2023	< 3	4
12	Dầu mỡ động thực vật(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2023	< 3	-
13	Chất hoạt động bề mặt(1)(2)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	< 0,06	-
14	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	< 0,001	0,04
15	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,004
16	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	< 0,01	0,08
17	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	< 0,001	0,04
18	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,01	0,04
19	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	< 0,01	2
20	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	< 0,05	2,4
21	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,016	0,16
22	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,13	0,4
23	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,072	0,8
24	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	< 0,01	0,16
25	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		240
	Diazinon(1)(2)	µg/L		< 0,2	
	Parathion ethyl (Parathion)(1)(2)	µg/L		< 0,2	

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

03/10/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8 ; Kf=1,0
	Phorate(1)(2)	µg/L		< 0,2	
	Sulfotep(1)(2)	µg/L		< 0,2	
	Thionazin(1)(2)	µg/L		< 0,2	
	O,O,O-Triethyl phosphorothioate(1)(2)	µg/L		< 0,2	
26	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014		40
	α-HCH(1)(2)	µg/L		< 0,02	
	β-HCH(1)(2)	µg/L		< 0,02	
	γ-HCH (Lindan)(1)(2)	µg/L		< 0,02	
	δ-HCH(1)(2)	µg/L		< 0,02	
	Aldrin(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Cis-Clodan(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Trans-Clodan(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	4,4'-DDD(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	4,4'-DDE(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	4,4'-DDT(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Dieldrin(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Endosulfan I(1)(2)	µg/L	-	< 0,1	
	Endosulfan II(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Endosulfan sulfat(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Endrin(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Endrin aldehyt(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Endrin ketone(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Heptaclo epoxit(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Heptaclo(1)(2)	µg/L		< 0,1	
	Metoxyclo(1)(2)	µg/L		< 0,1	

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

23.675/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

03/10/2023

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN SÔNG MÂY
   Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXL
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : N2-02
5. Ngày lấy mẫu : 15/9/2023
6. Ngày nhận mẫu : 15/9/2023
7. Thời gian thử nghiệm : 15/9/2023 - 26/9/2023
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả :

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,8; Kf=1,0
1	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,078	5
2	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,0	16
3	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^-B & D:2023	1,84	5
4	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	< 0,02	0,8
5	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$1,3x10^2$	3.000

Chú thích:
SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts
(2) : Thông số được công nhận VILAS

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng